

Bản án số: 265/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018.

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Tám**.

2. Ông **Võ Văn Cường**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 638/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/8/2018 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn D**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chị và anh D sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến tháng 07/2016 thì ly thân luôn cho đến nay. Nguyên nhân do anh D không lo làm ăn, ham mê cờ bạc, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và nhiều lần đánh đập chị. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung tên Phạm Trường X, sinh ngày 26/7/2005 và Phạm Trường Y, sinh ngày 08/01/2009. Hiện các con chung do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hết 02 con chung và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phạm Văn D không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung, 02 con chung là 4.000.000 đồng mỗi tháng. Anh D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc anh Phạm Văn D vắng mặt*: Xét thấy, anh D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị T kiện đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và nuôi con chung của chị và anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh D nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang số 087 ngày 09/12/2008, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến tháng 07/2016 thì ly thân luôn cho đến nay. Nguyên nhân theo lời chị T khai do anh D không lo làm ăn, ham mê cờ bạc và có quan hệ ngoại tình với người khác và nhiều lần đánh đập

chị. Còn anh D vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ việc chị T xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cung không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị T xin ly hôn anh, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T, đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn anh Phạm Văn D.

- Về con chung: Chị Thảo và anh Dân có 02 con chung tên Phạm Trường X, sinh ngày 26/7/2005 và Phạm Trường Y, sinh ngày 08/01/2009. Hiện các con chung do chị T đang nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến đã ổn định. Hơn nữa qua lời khai tham khảo cháu X và cháu Y cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, mặt khác theo ý kiến của đại diện chính quyền địa phương nơi chị T sinh sống cũng cho rằng nên giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng vì chị T đang nuôi các con ổn định, nên tiếp tục giao cháu X và cháu Y cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung. Xét thấy, đây là con chung chị T và anh D, anh D không trực tiếp nuôi con, nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là phù hợp với các Điều 58 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mức cấp dưỡng nuôi con của chị T là cao, vì tại phiên tòa chị T cũng xác định anh D có nghề mua bán cây cảnh, nhưng anh không lo làm, nên thu nhập không ổn định, nên điều chỉnh mức cấp dưỡng nuôi con và buộc anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con, vậy 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, do vậy chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh D phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T.

Cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Phạm Văn D.

[2]. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Phương T.

Giao 02 con chung tên Phạm Trường X, sinh ngày 26/7/2005 và Phạm Trường Y, sinh ngày 08/01/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T.

Buộc anh Phạm Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Phạm Trường X, sinh ngày 26/7/2005 và Phạm Trường Y, sinh ngày 08/01/2009 cùng với chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

- Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: Không có.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí:

- Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09204 ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

- Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Anh D được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

PHẠM VĂN NHỊN